TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 267/2020/QĐST- HNGĐ	*B, ngày 01 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 406/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020 giữa:

- *Ng đơn:* Chị **Phan Thị S**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Xuân Điền, xã Hàm Hiệp, huyện H, tỉnh B1.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Trọng Ng**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 187/16C, khóm 3, phường 5, thành phố B, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị S và anh Nguyễn Trọng Ng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Phan Thị S và anh Nguyễn Trọng Ng thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bích H, sinh ngày 11/11/2016 cho chị Phan Thị S trực tiếp nuôi dưỡng (cháu H đang sống cùng chị S). Anh Nguyễn Trọng Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Trọng Ng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Bích H mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), tính từ tháng 12/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2.4. Về tài sản chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Phan Thị S tự nguyện chịu án phí ly hôn là 150.000 đồng. Chị S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007289 ngày 20-11-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, đối trừ án phải nộp, chị S được hoàn lại 150.000 đồng.

2.6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND tp. B;
- UBND phường (xã) nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Bích Ngọc